

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo các ngành Tiếng Đức, trình độ: trung cấp

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ vào Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội;

Căn cứ vào Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc đổi tên trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội thành trường Trung cấp Ngoại thương;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Ngoại thương được ban hành kèm theo quyết định số 05/QĐ-FTS ngày 17/02/2023 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Ngoại thương;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Tiếng Đức, mã ngành/nghề: 5220210, trình độ: Trung cấp áp dụng giảng dạy trong nội bộ Trường Trung cấp Ngoại thương.

Điều 2. Giao phòng Đào tạo và các khoa trên cơ sở chương trình đào tạo này, tổ chức chỉ đạo bộ môn và giáo viên biên soạn giáo trình, giáo an theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/bà trưởng phòng Đào tạo, trưởng Khoa và giáo viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/QĐ-FTS ngày 25 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Ngoại thương)

Ngành, nghề: Tiếng Đức

Mã ngành, nghề: 5220210

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm (20 tháng)

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Ngành, nghề tiếng Đức là một ngành học thuộc ngành ngôn ngữ nhằm để học và sử dụng tiếng Đức tốt hơn. Học viên học ngành này được đào tạo các chủ đề như ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giao tiếp và việc đọc và viết tiếng Đức. Ngoài ra, ngành học cũng bao gồm các thông tin về lịch sử, văn hóa và xã hội của Cộng hòa Liên bang Đức. Học ngôn ngữ Đức giúp học viên tăng cường kỹ năng giao tiếp, mở rộng kiến thức về Đức và cải thiện khả năng làm việc hoặc học tập trong môi trường Đức hoặc trong các công ty có liên quan đến Đức.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trung cấp tiếng Đức nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết về tiếng Đức thực hành. Đặc biệt là kỹ năng giao tiếp thông qua 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết.

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực Tiếng Đức đạt trình độ bậc 3 theo khung Năng lực ngoại ngữ 6 Bậc của Việt Nam, hay đạt trình độ B1 theo CEFR,. Người học có thể sử dụng tiếng Đức vào các tình huống giao tiếp một cách tự tin, và cho những yêu cầu thực tế khác của công việc. Với vốn tiếng Đức trình độ trung cấp được trang bị sẽ là nền tảng vững chắc cho người học tự học nâng cao hay học liên thông lên các cấp đào tạo chuyên ngữ cao hơn.

Bên cạnh đó, người học được trang bị những kiến thức cơ bản yêu cầu cần có ở trình độ trung cấp, cũng như các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm...

2.2 Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có ở trình độ đào tạo và thuộc lĩnh vực chuyên môn như sau

2.2.1 Kiến thức:

Nắm được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Nắm vững kiến thức tiếng Đức yêu cầu cần đạt ở trình độ Trung cấp trên cả 3 phương diện Ngữ pháp, Từ vựng và Phát âm;



- Có vốn từ vựng tiếng Đức chuyên ngành Du lịch và khái niệm cơ bản của một số hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên môn liên quan
- Có vốn từ vựng tiếng Đức chuyên ngành Thương mại và khái niệm cơ bản của một số hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên môn liên quan;
- Nắm được một số khái niệm và kỹ thuật giảng dạy tiếng Đức cho trẻ mầm non.

2.2.2 Kỹ năng:

- Có năng lực tiếng Đức đạt trình độ trung cấp đồng đều trên cả 4 kỹ năng ngôn ngữ Nghe, Nói, Đọc và Viết. Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng tiếng Đức. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mong ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
- Biết sử dụng các chiến lược học thích hợp để nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, cũng như các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách chủ động, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết các tình huống đặt ra trong thực tiễn.
- Biết cách tìm kiếm thông tin, khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ cho tự học và công việc;

2.2.3 Thái độ

Giúp người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm với bản thân, với quá trình tự học, và có ý chí vươn lên hoàn thành các mục tiêu cụ thể của cá nhân để có thể duy trì việc học tập suốt đời của bản thân nhằm đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể:

- Giảng dạy tiếng Đức trong các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm ngoại ngữ
- Làm việc trong lĩnh vực Du lịch, Thương mại
- Làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Đức khi có bằng cấp nghề, chuyên môn phù hợp

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1530 giờ (*57 tín chỉ*)
- Số lượng môn học, mô đun: 18
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1275 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 347 giờ; thực hành, thực tập: 1146 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

1. TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị
2	NLCB-02	Áp dụng các kiến thức về pháp luật
3	NLCB-03	Duy trì sức khỏe
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB-05	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
6	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-07	Nắm được kiến thức cơ bản về ngữ âm: nguyên âm, phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu, ký hiệu phiên âm..., để có thể phát âm chuẩn, cách mô tả vị trí của một số âm khó mang tính đặc thù của tiếng Đức
2	NLCL-08	Nắm được kiến thức cơ bản về từ loại tiếng Đức: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ, giới từ, liên từ, từ để hỏi... các mẫu câu cơ bản
3	NLCL-09	Sử dụng một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ cơ bản gồm các từ, cụm từ đơn lẻ thuộc các tình huống cụ thể.
4	NLCL-10	Có khả năng phát âm sao cho người đối thoại hiểu được, đạt hiệu quả về giao tiếp, sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể
5	NLCL-11	Có khả năng phát âm dễ hiểu và hiệu quả về mặt giao tiếp, biết sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể, biết sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực
6	NLCL-12	Kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp; các kỹ năng liên quan đến giao tiếp tương tác.
7	NLCL-13	Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể

8	NLCL-14	Đạt được các tiêu chí chung về năng lực ngoại ngữ ở bậc 2, gồm về vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.
9	NLCL-15	Biết viết các thể loại viết thư thân mật, trang trọng, thư đặt phòng, tường thuật, trình bày ý kiến và miêu tả nơi chốn; Các kỹ năng viết/ghi lại thông tin
10	NLCL-16	Tiếp cận với thực tiễn tại các cơ quan tổ chức, nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Đức
III	Năng lực nâng cao	
1	NLCL-17	Bước đầu làm quen được một số thuật ngữ và khái niệm thương mại cơ bản bằng tiếng Đức, từ đó có được sự hiểu biết nhất định về doanh nghiệp, về các hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành thương mại.
2	NLCL-18	Hiểu biết thêm về các khái niệm, kiến thức thương mại cơ bản, từ đó nâng cao sự hiểu biết về doanh nghiệp, về các hoạt động kinh doanh

6. Nội dung chương trình:

Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I.	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	46	1275	253	998	24
1	Môn học, mô đun cơ sở	8	165	73	86	6
MD07	Ngữ âm thực hành	2	45	13	30	2
MD08	Ngữ pháp tiếng Đức cơ bản	2	45	15	28	2
MH09	Tiếng Đức cơ bản	4	75	45	28	2
2	Môn học, mô đun chuyên môn	32	960	150	798	12
MD10	Kỹ năng tổng hợp 1	5	105	45	58	2

MĐ11	Kỹ năng tổng hợp 2	5	105	45	58	2
MĐ12	Kỹ năng Nghe - Nói 1	3	75	15	58	2
MĐ13	Kỹ năng Nghe - Nói 2	3	75	15	58	2
MĐ14	Kỹ năng Đọc - Viết 1	3	75	15	58	2
MĐ15	Kỹ năng Đọc - Viết 2	3	75	15	58	2
MĐ16	Thực tập tốt nghiệp	10	450		450	BC
3	Môn học, mô đun tự chọn	6	150	30	114	6
MĐ17	Tiếng Đức thương mại 1	3	75	15	57	3
MĐ18	Tiếng Đức thương mại 2	3	75	15	57	3
Tổng cộng		57	1530	347	1146	37

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, tham gia làm việc trực tiếp tại bộ phận bếp trong các nhà hàng, khách sạn, cơ quan, doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh ăn uống...

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

7.5. Các chú ý khác (nếu có):

Sau khi lựa chọn các môn học, môn học tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, môn học trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		

2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	2	3	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	7	4	3	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	7	4	3	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1:

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2:

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3:

NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5:

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;
- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thi điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐT BXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
 9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
 13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
 14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
 19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
 20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra

1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	6	5	1	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	10	4	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2:

HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3:

PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4:

PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5:

PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
- 4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao

đăng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTĐBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU				
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7	1	6	
2	Bài 2: Điền kinh	7	1	6	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	15	2	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	13	2	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	13	2	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	13	2	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	13	2	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	13	2	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	3	2	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	13	2	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rỏ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rỏ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.
- Điền kinh: Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;
- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;
- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 18 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 25 giờ;
kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	1		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	2	2	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	2	2	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	2	2	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	2	2	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	7	2	5	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	8	3	5	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	7	2	5	
11	Kiểm tra	1			1
	CỘNG	45	18	25	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội
 - 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"
 - 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ
- 2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam
 - 2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam
 - 2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá Việt Nam
- 2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4:

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7:

ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

- 2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang
- 2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang
- 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
- 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
- 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
- 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
- 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
- 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
- 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
- 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
- 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 8:

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
- 2.3. Thực hành

Bài 9:

KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;

- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giấy da;
- + Tắt sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;

- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giấy vải;
- + Tắt sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	7	3	4	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	7	2	5	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	8	3	5	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	7	2	5	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	7	2	5	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	8	3	5	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

- 2.1.1.2. Dữ liệu
- 2.1.1.3. Xử lý thông tin
- 2.1.2. Phần cứng
 - 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
 - 2.1.2.2. Thiết bị nhập
 - 2.1.2.3. Thiết bị xuất
 - 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

- 2.2.1. Phần mềm hệ thống
- 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
- 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
- 2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
- 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

- 2.1.1. Windows là gì?
- 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
- 2.3. Một số phần mềm tiện ích**
 - 2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
 - 2.3.2. Phần mềm diệt virus
- 2.4. Sử dụng tiếng Việt**
 - 2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt
 - 2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt
 - 2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.5. Sử dụng máy in**
 - 2.5.1. Lựa chọn máy in
 - 2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

- 2.1.1. Khái niệm văn bản
- 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

- 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
 - 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
 - 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
- 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
 - 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
 - 2.2.2.3. Lưu tập tin
 - 2.2.2.4. Đóng tập tin

- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viên

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
- 2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)
- 2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và trả lời các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	8	3	5	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	8	3	5	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	8	3	5	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	8	3	5	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	8	3	5	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	8	3	5	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	8	3	5	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	8	3	5	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
	Tổng cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN Rảnh Rỗi (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
- 2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
- 2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ âm thực hành

Mã môn học: MĐ07

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun cơ sở
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Ngữ âm thực hành, người học có được kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ điệu, trọng âm trong tiếng Đức để có thể phát âm chuẩn. Đồng thời, biết so sánh đối chiếu một số trường hợp cụ thể về Ngữ âm trong tiếng Đức với tiếng Việt để hạn chế các sai sót khi nói tiếng Đức. Cụ thể:

- Về kiến thức:
 - + Người học có kiến thức cơ bản về ngữ âm: nguyên âm, phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu, ký hiệu phiên âm..., để có thể phát âm chuẩn.
 - + Hiểu được cách mô tả vị trí của một số âm khó mang tính đặc thù của tiếng Đức.
- Về kỹ năng:
 - + Biết cách phiên âm và đọc ký hiệu phiên âm
 - + Biết đánh trọng âm từ, trọng âm câu
 - + Biết nói âm, đọc âm cuối...
 - + Biết phân biệt những cặp âm dễ nhầm lẫn
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	Bài mở đầu Bài 1: Hallo, ich bin Nicole ... (Begrüßung, Befinden) Hören/Sprechen: sich begrüßen/verabschieden; nach dem Befinden fragen sich und andere vorstellen	10		7	
2	Bài 2: Ich bin Journalistin. (Angaben zur Person, Berufe) Sprechen: über den Beruf und Persönliches sprechen Lesen: Visitenkarten, Internet-Profil Schreiben: einen Steckbrief über sich schreiben	9	2	7	
3	Bài 3: Das ist meine Mutter. (Familie) Hören/Lesen: Drehbuchausschnitt Sprechen: über die Familie und über Sprachkenntnisse sprechen	13	4	8	1
4	Bài 4: Der Tisch ist schön! (Einkaufen, Möbel) Hören: Beratungsgespräche / Hilfe anbieten Sprechen: nach Preisen fragen und Preise nennen; etwas bewerten	13	4	8	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Giới thiệu chung về môn học, mục tiêu cần đạt được và yêu cầu đối với người học

Bài 1: Hallo, ich bin Nicole ... (Begrüßung, Befinden) (10 giờ)

1. Mục tiêu: Giúp người học phân biệt được những nét khác biệt giữa chữ viết và phát âm trong tiếng Đức nhằm tránh những nhầm lẫn trong quá trình phát âm tiếng Đức.

2. Nội dung

Hören/Sprechen: sich begrüßen/verabschieden; nach dem Befinden fragen sich und andere vorstellen

Bài 2: Ich bin Journalistin. (Angaben zur Person, Berufe) (9 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu hệ thống âm tiết trong tiếng Anh, âm tiết có trọng âm và âm tiết không có trọng âm.

2. Nội dung

Sprechen: über den Beruf und Persönliches sprechen

Lesen: Visitenkarten, Internet-Profil

Schreiben: einen Steckbrief über sich schreiben

Bài 3: Das ist meine Mutter. (Familie) (13 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và thực hành ngữ điệu trong câu, từ nổi âm, từ mang trọng âm và không mang trọng âm trong câu

2. Nội dung :

Hören/Lesen: Drehbuchausschnitt

Sprechen: über die Familie und über Sprachkenntnisse sprechen

Bài 4: Der Tisch ist schön! (Einkaufen, Möbel) (13 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và thực hành ngữ điệu câu với những biểu đạt khác nhau về nghĩa mà người nói muốn truyền đạt

2. Nội dung

Hören: Beratungsgespräche / Hilfe anbieten

Sprechen: nach Preisen fragen und Preise nennen; etwas bewerten

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng

2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa

3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nguyên âm đôi, nguyên âm đơn; các cặp phụ âm

+ Từ mang trọng âm và không mang trọng âm trong câu

+ Các ngữ điệu trong câu tiếng Đức

- Kỹ năng:

+ Biết phân biệt giữa nguyên âm đôi và nguyên âm đơn, biết cách phát âm từng âm, tổ hợp âm

+ Biết viết, đọc các ký hiệu phiên âm từ

+ Biết đánh trọng âm trong từ, trong câu

+ Nhận biết được ngữ điệu của các loại câu trong tiếng Đức

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Sau 2 chương sẽ có một bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn. Kết quả học tập được tính theo quy định hiện hành.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BTBXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn ngữ âm thực hành được giảng dạy ở kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giáo viên, giảng viên nên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình; thảo luận; phương pháp hoạt động theo cặp, nhóm và sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của học viên, có sử dụng CNTT vào trong quá trình giảng dạy trên lớp, chú trọng đến các hoạt động thực hành, luyện tập nhằm giúp người học biết cách phát âm, sử dụng trọng âm, ngữ điệu đúng, hiệu quả trong giao tiếp.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ pháp Tiếng Đức cơ bản

Mã môn học: MĐ08

Thời gian thực hiện môn học: giờ; 45 (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun cơ sở
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Ngữ pháp Tiếng Đức cơ bản, người học có được kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Đức. Đồng thời, biết vận dụng kiến thức ngữ pháp vào các tình huống ngôn ngữ cụ thể, phù hợp với mục đích giao tiếp. Cụ thể:

- Về kiến thức:
 - + Người học có kiến thức cơ bản về từ loại tiếng Đức: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ, giới từ, liên từ, từ để hỏi... các mẫu câu cơ bản ở trình độ sơ cấp
- Về kỹ năng:
 - + Nhận dạng và biết cách sử dụng danh từ số ít, số nhiều, danh từ đếm được không đếm được
 - + Biết cách dùng mạo từ, đại từ, tính từ, trạng từ, so sánh của tính từ, trạng từ ở trình độ sơ cấp
 - + Biết sử dụng một số thì cơ bản của tiếng Đức
 - + Biết sử dụng một số mẫu câu cơ bản ở trình độ sơ cấp
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

	Bài mở đầu Bài 1: Schaut mal, der schöne Dom! (Stadtbesichtigung) Sprechen: etwas gemeinsam planen; berichten Lesen: Brief, Postkarte, Internet-Eintrag Schreiben: Postkarte, E-Mail	5	2	3	
	Bài 2: Meine Lieblingsveranstaltung (Kultur) Hören/Sprechen: etwas vorschlagen / sich verabreden; einen Vorschlag ablehnen; zustimmen / sich einigen Lesen: Leserbeiträge Schreiben: Veranstaltungskalender Projekttag	4	1	3	
	Bài 3: Wir könnten montags joggen gehen. (Sport und Fitness) Hören/Sprechen: um Rat bitten; Ratschläge geben und Vorschläge machen Lesen: Fitness- und Ernährungsplan Schreiben: Forumsbeitrag	5	1	3	
	Bài 4: Hoffentlich ist es nicht das Herz! (Gesundheit und Krankheit) Sprechen: Mitleid, Sorge und Hoffnung ausdrücken Lesen: Forumstext	4	2	2	1
	Bài 5: Bei guten Autos sind wir ganz vorn. (Arbeitsleben) Sprechen: Wichtigkeit ausdrücken Lesen: Bericht über einen Dokumentarfilm	5	1	4	
	Bài 6: Gut, dass du reserviert hast. (Im Restaurant) Hören/Sprechen: im Restaurant bestellen; reklamieren / um etwas bitten; bezahlen	4	1	3	

	Bài 7: Ich freue mich so. (Firmenporträt) Sprechen: etwas bewerten; gratulieren und sich bedanken Lesen: Zeitungsartikel, Interview Schreiben: gratulieren; sich bedanken	4	1	3	
	Bài 8: Wenn es warm ist, essen wir meist Salat. (Ernährung) Hören: Interviews Sprechen: Überraschung ausdrücken; etwas vergleichen Lesen: Sachtext	4	2	2	
	Bài 9: Meine erste „Deutsch-lehrerin“ (Sprachen lernen) Hören/Sprechen: von Sprachlernerfahrungen berichten	5	2	3	
	Bài 10: Es werden fleißig Päckchen gepackt. (Post und Telekommunikation) Sprechen: Freude ausdrücken Lesen: Zeitungsmeldung; Gebrauchsanweisung Schreiben: persönlicher Brief	5	2	2	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Giới thiệu chung về môn học, mục tiêu cần đạt được và yêu cầu đối với người học

Bài 1: Schaut mal, der schöne Dom! (Stadtbesichtigung) (5 giờ)

1. Mục tiêu: Củng cố và luyện tập các thì cơ bản trong tiếng Đức giúp người học nắm được cách cấu tạo, phân biệt được sự khác nhau giữa cách dùng của các thì này trong Tiếng Đức.

2. Nội dung:

Sprechen: etwas gemeinsam planen; berichten

Lesen: Brief, Postkarte, Internet-Eintrag

Schreiben: Postkarte, E-Mail

Bài 2: Meine Lieblingsveranstaltung (Kultur) (4 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và luyện tập về đại từ trong tiếng Đức: Đại từ nhân xưng làm chủ ngữ, đại từ nhân xưng làm tân ngữ; đại từ chỉ định, phân biệt tính từ sở hữu và đại từ sở hữu.

2. Nội dung

Hören/Sprechen: etwas vorschlagen / sich verabreden; einen Vorschlag ablehnen; zustimmen / sich einigen

Lesen: Leserbeiträge

Schreiben: Veranstaltungskalender

Projekttag

Bài 3: Wir könnten montags joggen gehen. (Sport und Fitness) (5 giờ)

1. Mục tiêu: Giúp người học nắm được khái niệm về danh từ đếm được, danh từ không đếm được, danh từ số ít, danh từ số nhiều; trật tự từ trong câu, sự phù hợp giữa chủ ngữ và động từ...

2. Nội dung chương trình

Hören/Sprechen: um Rat bitten; Ratschläge geben und Vorschläge machen

Lesen: Fitness- und Ernährungsplan

Schreiben: Forumsbeitrag

Bài 4: Hoffentlich ist es nicht das Herz! (Gesundheit und Krankheit)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và luyện tập

2. Nội dung:

Sprechen: Mitleid, Sorge und Hoffnung ausdrücken

Lesen: Forumstext

Bài 5: Bei guten Autos sind wir ganz vorn. (Arbeitsleben) (5 giờ)

1. Mục tiêu: Củng cố và luyện tập các thì cơ bản trong tiếng Đức giúp người học nắm được cách cấu tạo, phân biệt được sự khác nhau giữa cách dùng của các thì này trong Tiếng Đức.

2. Nội dung :

Sprechen: Wichtigkeit ausdrücken

Lesen: Bericht über einen Dokumentarfilm

Bài 6: Gut, dass du reserviert hast. (Im Restaurant) (4 giờ)

1. Mục tiêu: Giúp người học củng cố và luyện tập kiến thức về các loại câu hỏi cơ bản trong chương trình sơ cấp

2. Nội dung:

Hören/Sprechen: im Restaurant bestellen;

reklamieren / um etwas bitten; bezahlen

Bài 7: Ich freue mich so. (Firmenporträt) (4 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và luyện tập

2. Nội dung

Sprechen: etwas bewerten; gratulieren und sich bedanken

Lesen: Zeitungsartikel, Interview

Schreiben: gratulieren; sich bedanken

Bài 8: Wenn es warm ist, essen wir meist Salat. (Ernährung) (4 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và luyện tập về các loại trạng từ

2. Nội dung:

Hören: Interviews

Sprechen: Überraschung ausdrücken; etwas vergleichen

Lesen: Sachtext

Bài 9: Meine erste „Deutsch-lehrerin“ (Sprachen lernen) (5 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và luyện tập về cách dùng của một số động từ hình thái dùng để nói về năng lực, bản phận, nghĩa vụ, khả năng có thể xảy ra, diễn đạt lời đề nghị, yêu cầu hay lời khuyên cần nắm vững ở trình độ sơ cấp.

2. Nội dung:

Hören/Sprechen: von Sprachlernerfahrungen

berichten

Bài 10: Es werden fleißig Päckchen gepackt. (Post und Telekommunikation) (5 giờ)

1. Mục tiêu: Giới thiệu và luyện tập về cách dùng của mạo từ không xác định, a/an; mạo từ xác định và những trường hợp không dùng mạo từ trong tiếng Đức

2. Nội dung:

Sprechen: Freude ausdrücken

Lesen: Zeitungsmeldung; Gebrauchsanweisung

Schreiben: persönlicher Brief

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng

2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa

3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Các thì cơ bản trong tiếng Đức: Thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn...

+ Danh từ: danh từ đếm được, danh từ không đếm được, danh từ số ít, danh từ số nhiều....

+ Tính từ: tính từ miêu tả, tính từ chỉ định, tính từ sở hữu

+ Trạng từ: các loại trạng từ cơ bản, dạng thức so sánh của trạng từ

+ Cách dùng các quán từ chỉ số lượng xác định và không xác định

+ Thành phần câu; sự hoà hợp giữa chủ ngữ và động từ...

- Kỹ năng:

+ Biết sử dụng các kiến thức ngữ pháp ở trình độ sơ cấp để đạt mục đích giao tiếp cơ bản

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Trong quá trình học sẽ có hai bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức

độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn. Kết quả học tập được tính theo quy định hiện hành.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BTBXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn Ngữ pháp tiếng Đức cơ bản được giảng dạy ở kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giáo viên, giảng viên nên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình; thảo luận; phương pháp hoạt động theo cặp, nhóm và sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của học viên, có sử dụng CNTT vào trong quá trình giảng dạy trên lớp, chú trọng đến các hoạt động thực hành, luyện tập nhằm giúp người học biết cách vận dụng các kiến thức lý thuyết được trang bị để hoàn thành các bài tập vận dụng đồng thời giúp người học dần có khả năng sử dụng tiếng Đức đúng ngữ pháp, hiệu quả trong giao tiếp.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Đức cơ bản

Mã môn học: MH09

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun cơ sở
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Mô-đun Tiếng Đức cơ bản nhằm trang bị cho học sinh kiến thức tiếng Đức căn bản cho người mới bắt đầu học tiếng Đức, hoặc mất căn bản tiếng Đức. Kết thúc môn học này học sinh sẽ được trang bị những kiến thức tiếng Đức nền tảng để tạo tiền đề cho việc học lên các mô-đun kế tiếp. Sau khi kết thúc môn học Tiếng Đức cơ bản, người học có được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

- *Ngữ âm*: phát âm tương đối rõ ràng những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã được học.

- *Ngữ pháp*: Chỉ dùng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

- *Từ vựng*: Có vốn từ cơ bản gồm các từ, cụm từ đơn lẻ thuộc các tình huống cụ thể. Kết thúc học phần tiếng Đức 1, sinh viên có vốn từ vựng khoảng 500 – 750 từ.

a. Kỹ năng

- *Kỹ năng nghe hiểu*: Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin. Có thể hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, những thông báo, chỉ dẫn có cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu.

- *Kỹ năng nói*: Có thể giao tiếp được trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi và với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong những tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày. Vận dụng được các chức năng ngôn ngữ hội thoại cơ bản để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, hay bày tỏ thái độ, cảm xúc một cách đơn giản ... Có thể miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm cá nhân, thông tin cá nhân, sở thích ở hình thức đơn giản nhất.

- *Kỹ năng đọc hiểu:* Có thể hiểu những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày; hiểu được các bài đọc ngắn, đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần xuất cao. Cụ thể, sinh viên có thể:

- Đọc hiểu thư tín đơn giản về những chủ đề quen thuộc;
- Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể và dễ nhận biết từ những tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, thực đơn, lịch trình, danh sách ... ;

- *Kỹ năng viết:* Có thể viết những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc. Có thể viết, đáp lời một bưu thiếp, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu Bài 1: Gleich geht's los! (Medien) Lesson 1B: Coffee break Hören/Sprechen: über Fernsehgewohnheiten sprechen Lesen: Sachtext	6	4	2	
	Bài 2: Darf ich fragen, ob ...? (Im Hotel) Hören/Sprechen: ein Zimmer buchen; einen Weg beschreiben	8	5	3	
	Bài 3: Wir wollen nach Rumänien. (Reisen und Verkehr) Sprechen: über Reisegewohnheiten sprechen Lesen: Reisetagebuch im Internet Schreiben: etwas kommentieren	7	4	2	1
	Bài 4: Ich freue mich auf Sonne und Wärme. (Wetter und Klima) Sprechen: über das Wetter sprechen	7	4	3	

	Lesen: Sachtext				
	Bài 5: Wohin gehen wir heute? Hören/Sprechen: jemanden überzeugen / begeistern; auf Vorschläge zögernd reagieren Lesen: Veranstaltungskalender	5	3	2	
	Bài 6: Ich durfte eigentlich keine Comics lesen. (Bücher und Presse) Sprechen: Interesse / Desinteresse ausdrücken Lesen: Magazintext	6	3	3	
	Bài 7: Ja genau, den meine ich. (Staat und Verwaltung) Sprechen: um einen Bericht / eine Beschreibung bitten; etwas berichten / beschreiben Lesen: Flyer	6	3	3	
	Bài 8: Seit ich meinen Wagen verkauft habe, ... (Mobilität und Verkehr) Sprechen: etwas erklären Lesen: Anleitungen	6	4	2	
	Bài 9: Der Beruf, der zu mir passt. (Ausbildung und Beruf)	6	4	2	
	Bài 10: Wie sah dein Alltag aus? (Arbeiten im Ausland) Sprechen: Begeisterung / Enttäuschung ausdrücken Lesen: Mitarbeiterporträt	6	4	2	
	Bài 11: nach Lektion 23: Projekttag:	6	4	2	
	Bài 12: Prüfungs-vorbereitung	6	3	2	1

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng
2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Kiến thức ngữ pháp tiếng Đức cần có ở trình độ A1
- + Kiến thức về từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ
- + Kiến thức về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu

- Kỹ năng:

+ Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ sơ cấp

+ Khả năng sử dụng khá trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực (au-thentic).

+ Khả năng viết câu đúng ngữ pháp, phù hợp với tình huống giao tiếp

+ Khả năng đọc hiểu và suy đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi ở trình độ A1

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Trong quá trình học sinh sẽ có 4 bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BT BXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Tiếng Đức cơ bản được giảng dạy ở kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức, là môn học tiền đề để học tốt các môn học thuộc nhóm môn chuyên môn.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Do thời lượng giảng dạy môn học Tiếng Đức cơ bản khá khiêm tốn nên giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học này cần chú trọng đến cung cấp thêm các bài tập, hoạt động thực hành, luyện tập cho hoạt động tự học ở nhà và có kiểm tra, đánh giá. Mục đích là nhằm giúp người học có thể ghi nhớ và vận dụng được các kiến thức lý

thuyết đã được học trên lớp để làm các bài tập thực hành về kiến thức tiếng Đức (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm), qua đó giúp các em nắm được kiến thức tiếng Đức căn bản cần có ở trình độ A1. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách bài tập và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

+ Giáo viên, giảng viên nên kết hợp nhiều phương pháp dạy học hiệu quả, kết hợp các hình thức và kỹ thuật dạy học đa dạng, chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết nhằm giúp học sinh tăng thêm cơ hội được tương tác, sử dụng tiếng Đức tích cực trong môi trường học tập trên lớp, giúp các em sớm hình thành được kỹ năng ngôn ngữ cần có ở trình độ A1.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng tổng hợp 1

Mã môn học: MĐ10

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun chuyên môn
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Kỹ năng tổng hợp 1, người học có thể đạt được năng lực tiếng Đức tương đương Bậc 2 theo Khung NLNN Việt Nam, hay trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Cụ thể, người học có được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến những thông tin cá nhân cơ bản (dân tộc, quê hương, ngôn ngữ thứ nhất, địa chỉ, ngày sinh, tuổi, điện thoại); thời gian, ngày tháng, tiền tệ, trường học, đồ đạc trong phòng học, cơ sở vật chất cộng đồng, nghề nghiệp và việc làm, tình trạng hôn nhân, gia đình riêng, nhà ở, sở thích về ăn uống, thời tiết, quần áo, các mùa trong năm vv...

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến đơn vị đo thời gian cơ bản, trình tự thời gian, từ ngữ chỉ quan hệ thân thuộc, nhu cầu, mong muốn, kể lại những trải nghiệm cá nhân, miêu tả

+ Kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp; các kỹ năng liên quan đến giao tiếp tương tác (ví dụ: đáp lại một lời giới thiệu, hướng dẫn và chỉ dẫn, thu hút sự chú ý, yêu cầu nhắc lại; trao đổi về tuổi tác, thu nhập, hôn nhân, con cái, sở thích về ăn uống, vv).

+ Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể.

+ Kiến thức từ vựng và thành ngữ cần thiết để hoàn thành các dạng mẫu khai. Từ dùng cho nhận dạng cá nhân như tên, địa chỉ, nghề nghiệp, vợ, chồng, tình trạng hôn nhân, quốc tịch, mã bưu điện, ngày sinh, số điện thoại, tên thành phố, quốc gia v.v chữ viết in, chữ ký, bản hiệu và các từ viết tắt thông dụng

- Về kỹ năng

+ Có khả năng phát âm sao cho người đối thoại hiểu được, đạt hiệu quả về giao tiếp.

+ Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ sơ cấp

+ Khả năng sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực.

+ Khả năng nghe hiểu và/để thực hiện các hành động (ví dụ thu thập thông tin, tuân thủ cách đàm phán để hiểu nghĩa, giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định); hiểu một phần nội dung thông tin hàm chứa, ngôn từ và phương tiện ngôn bản/văn bản, một số kiến thức văn hóa xã hội hàm chứa trong một số nhiệm vụ giao tiếp cụ thể (ví dụ trong giao tiếp xã hội và yêu cầu/cung cấp các dịch vụ).

+ Có thể đọc một bài gồm hai, ba đoạn trong ngữ cảnh quen thuộc và đoán trước được, ví dụ chuyện kể, tiểu sử, mô tả, chỉ dẫn đơn giản, các mục tin đơn giản, quảng cáo, tờ rơi quảng cáo hàng; Tuy nhiên phải sử dụng từ điển song ngữ thường xuyên.

+ Có thể chuyển tải các ý tưởng và thông tin đơn giản về các kinh nghiệm có tính chất cá nhân trong các ngữ cảnh để dự đoán hàng ngày dưới dạng viết.

+ Kỹ năng hợp tác nhóm để hoàn thành công việc (ví dụ: thực hành theo nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định).

+ Một số kiến thức và kỹ năng có liên quan khác (ví dụ: kỹ năng/chiến lược học, ghi nhớ một cách có hiệu quả các cụm từ các cách diễn đạt).

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi ở trình độ A2

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Ihr seid einfach die Besten! (Freundschaft) Hören/Sprechen: Personen beschreiben	25	5	10	

2	Bài 2: Er erledigte seine Aufgaben zuverlässig. (Beruf und Sprechen/Schreiben: etwas Vergangenes bewerten Lesen: Praktikumsbericht, E-Mail, Bestätigung Schreiben: Bericht	25	5	9	1
3	Bài 3: Mein Beruf ist meine Leidenschaft. (Wohnen) Sprechen: über eine Statistik sprechen Lesen: Magazintext, Statistik	25	5	10	
4	Bài 4: Obwohl ich Ihnen das erklärt habe... (Kundenservice) Hören/Sprechen: reklamieren; Gesprächsstrategien am Telefon Lesen/Schreiben: Reklamation	15	5	10	
5	Bài 5: Bald wird in jedem Haushalt ein PC stehen. (Zukunft) Hören/Sprechen: Vermutungen über Zukünftiges äußern Lesen: Umfrage: Lesermeinungen	15	5	10	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Ihr seid einfach die Besten! (Freundschaft)

Hören/Sprechen: Personen beschreiben

Bài 2: Er erledigte seine Aufgaben zuverlässig. (Beruf und Sprechen/Schreiben:

etwas Vergangenes bewerten

Lesen: Praktikumsbericht, E-Mail, Bestätigung

Schreiben: Bericht

Bài 3: Mein Beruf ist meine Leidenschaft. (Wohnen)

Sprechen: über eine Statistik sprechen

Lesen: Magazintext, Statistik

Bài 4: Obwohl ich Ihnen das erklärt habe... (Kundenservice)

Hören/Sprechen: reklamieren; Gesprächsstrategien am Telefon

Lesen/Schreiben: Reklamation

Bài 5: Bald wird in jedem Haushalt ein PC stehen. (Zukunft)

Hören/Sprechen: Vermutungen über Zukünftiges äußern

Lesen: Umfrage: Lesermeinungen

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng

2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Kiến thức ngữ pháp tiếng Đức cần có ở trình độ A2
 - + Kiến thức về từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ
 - + Kiến thức về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu
- Kỹ năng:
 - + Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ sơ cấp
 - + Khả năng sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực.
 - + Khả năng viết câu đúng ngữ pháp, phù hợp với tình huống giao tiếp
 - + Khả năng đọc hiểu và suy đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh
 - + Kỹ năng và chiến lược làm bài thi ở trình độ A2
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Trong quá trình học môn học, học sinh sẽ có 5 bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BT BXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Kỹ năng tổng hợp 1 được giảng dạy ở kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức sau khi học sinh đã hoàn thành môn học Tiếng Đức cơ bản.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Để đạt được mục tiêu của môn học, giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Kỹ năng tổng hợp 1 cần chú trọng đến cung cấp thêm các bài tập, hoạt động thực hành, luyện tập cho hoạt động tự học có hướng dẫn và có kiểm tra, đánh giá. Mục đích nhằm giúp người học có thể ghi nhớ, vận dụng được các kiến thức lý thuyết đã được học trên lớp để hình thành các kỹ năng ngôn ngữ cần có ở trình độ A2, đồng thời, qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng làm bài thi trình độ A2. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách bài tập và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

+ Giáo viên, giảng viên cần kết hợp mô hình dạy học kết hợp trong quá trình giảng dạy; chú trọng hoạt động luyện tập, thực hành nhằm tăng tính tương tác cho người học thông qua các hoạt động cặp, hoạt động nhóm.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng tổng hợp 2

Mã môn học: MĐ11

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun chuyên môn
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Kỹ năng tổng hợp 2, người học có thể đạt được năng lực tiếng Đức tương đương Bậc 3 theo Khung NLNN Việt Nam, hay trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Cụ thể, người học có được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng cần có ở trình độ B1: các thì hiện động từ, câu điều kiện, câu bị động, thức giả định, lời nói gián tiếp, trực tiếp; một số cấu trúc câu đặc biệt; các loại mệnh đề; cách cấu tạo từ....

+ Có lượng tương đối về từ ngữ thông thường và một số lượng hạn chế các thành ngữ.

+ Kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ học xã hội, hành vi ước định về văn hóa và kỹ năng giao tiếp tương tác (ví dụ: khen và nhận lời khen, mời và nhận lời mời).

+ Kiến thức về thể thức giao tiếp phù hợp, phong cách và quá trình (ví dụ: cho một bài thuyết trình chính thức hoặc không chính thức, một buổi thảo luận, hội thoại, hướng dẫn về cách gọi điện thoại)

- Về kỹ năng

+ Có khả năng phát âm dễ hiểu và hiệu quả về mặt giao tiếp.

+ Biết sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ tiền trung cấp

+ Biết sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực

+ Hiểu các diễn ngôn trong có ngữ cảnh rõ ràng thuộc các kinh nghiệm và kiến thức chung.

+ Biết sử dụng thể thường xuyên từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học tiếng Đức như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.

+ Kỹ năng hợp tác nhóm vì mục đích công việc và học thuật (ví dụ: thảo luận kỹ năng giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định trong nhóm).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Fühlen Sie sich wie zu Hause. (Einladungen)	21	10	11	
2	Bài 2: Kann ich Ihnen helfen? (Beratung)	16	10	5	1
3	Bài 3: Während andere lange nachdenken... (Berufsfindung)	16	5	10	1
4	Bài 4: Sport trägt zu größerem Wohlbefinden bei. (Gesundheit)	16	5	11	
5	Bài 5: nach Lektion 8: Projekttag:	15	5	10	
6	Bài 6: Hätte ich das bloß anders gemacht! (Verpasste Gelegenheiten)	21	10	11	

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Giới thiệu chung về môn học, mục tiêu cần đạt được và yêu cầu đối với người học, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Bài 1: Fühlen Sie sich wie zu Hause. (Einladungen)

Hören/Sprechen: halboffizielle Einladungen

Lesen: Ratgeber

Bài 2: Kann ich Ihnen helfen? (Beratung)

(Dilaog/Praesentation) basierend auf den Inhalten der bisherigen Lektionen

Bài 3: Während andere lange nachdenken... (Berufsfindung)

Hören/Sprechen: Kundenberatungsgespräche

Bài 4: Sport trägt zu größerem Wohlbefinden bei. (Gesundheit)

Sprechen: Stellung nehmen

Lesen: Test

Bài 5: nach Lektion 8: Projekttag:

Hören/Sprechen: eine Präsentation halten

Lesen: Programm zur Gesundheitsförderung

Bài 6: Hätte ich das bloß anders gemacht! (Verpasste Gelegenheiten)

Hören/Sprechen: Enttäuschung ausdrücken; auf Enttäuschungen reagieren

Schreiben: Kommentar

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng
2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Kiến thức ngữ pháp tiếng Đức cần có ở trình độ B1
- + Kiến thức về từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ
- + Kiến thức về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu

- Kỹ năng:

+ Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ tiền trung cấp (B1)

+ Khả năng sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực (au-thentic).

+ Khả năng viết câu đúng ngữ pháp, phù hợp với tình huống giao tiếp

+ Khả năng đọc hiểu và suy đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi ở trình độ B1.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt

động học tập trên lớp. Trong suốt môn học, học sinh sẽ có 5 bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BTBXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Kỹ năng tổng hợp 2 được giảng dạy ở kỳ cuối trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Để đạt được mục tiêu môn học, giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Kỹ năng tổng hợp 2 cần chú trọng đến cung cấp thêm các bài tập, hoạt động thực hành, luyện tập cho hoạt động tự học ở nhà và có kiểm tra, đánh giá. Mục đích là nhằm giúp người học có thể ghi nhớ và vận dụng được các kiến thức lý thuyết đã được học trên lớp để làm các bài tập thực hành về kiến thức tiếng Đức (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm), qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng làm bài thi. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách Workbook và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

- + Giáo viên, giảng viên nên vận dụng mô hình dạy học kết hợp; chú trọng hoạt động thực hành, luyện tập theo cặp, nhóm nhằm tăng tính tương tác cho học sinh trong quá trình thực hành ngôn ngữ, hướng đến dần hình thành cho học sinh nhóm các năng lực liên quan: năng lực làm việc nhóm, năng lực giải quyết vấn đề, v.v.

- Đối với người học:

- + Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

- + Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

- + Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng Nghe - Nói 1

Mã môn học: MĐ12

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun chuyên môn
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Kỹ năng Nghe – Nói 1, người học có thể đạt được năng lực tiếng Đức tương đương Bậc 2 - Khung NLNN Việt Nam, hay trình độ A2 - khung tham chiếu Châu Âu. Cụ thể, người học có được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Nắm được kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm yêu cầu ở trình độ Bậc 2 – Khung NLNN Việt Nam hay tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu

+ Kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp; các kỹ năng liên quan đến giao tiếp tương tác (ví dụ: đáp lại một lời giới thiệu, hướng dẫn và chỉ dẫn, thu hút sự chú ý, yêu cầu nhắc lại; trao đổi về tuổi tác, thu nhập, hôn nhân, con cái, sở thích về ăn uống, vv).

+ Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể.

- Về kỹ năng

+ Có khả năng phát âm sao cho người đối thoại hiểu được, đạt hiệu quả về giao tiếp.

+ Có thể tham gia giao tiếp xã giao và trao đổi về nhu cầu thiết yếu, chủ đề quen thuộc mà cá nhân quan tâm

+ Có thể sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và một vài cấu trúc phức, nhưng thường mắc lỗi về ngữ pháp và phát âm, phần nào gây khó khăn trong giao tiếp.

+ Có thể sử dụng đa dạng khối lượng từ giao tiếp hàng ngày và một số thành ngữ, gặp khó khăn khi trao đổi về những chủ đề không quen thuộc, những từ và cụm từ lạ.

+ Có thể trao đổi qua điện thoại những thông tin cá nhân đơn giản, tuy vẫn gặp khó khăn trong quá trình giao tiếp khi không được trợ giúp bởi hình ảnh.

+ Có thể nghe lấy ý chính các phát ngôn thuộc nhiều lĩnh vực trong các bối cảnh sử dụng ngôn ngữ có độ khó trung bình khi tập trung và cố gắng (ví dụ các đoạn

hội thoại mặt đối mặt, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh trong các tình huống giao tiếp lễ nghi hoặc thông thường, về các chủ đề hàng ngày liên quan đến bản thân, tốc độ nói chậm đến trung bình, nhưng thường phải yêu cầu người nói nhắc lại khi nghe hội thoại).

+ Có thể hiểu những trao đổi đơn giản như: các tập hợp chỉ dẫn/hướng dẫn hàng ngày: các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân và các chủ đề thường gặp. Các thông báo đơn giản, nhắc đi nhắc lại, có thể tiên đoán trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Có thể hiểu số lượng còn hạn chế các từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.

+ Có thể nghe những lời nhắn nhắn trên điện thoại, có thể tiên đoán trước nhưng khả năng hiểu còn hạn chế, nhưng thường phải yêu cầu người nói nhắc lại.

+ Kỹ năng hợp tác nhóm để hoàn thành công việc (ví dụ: thực hành theo nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định).

+ Một số kiến thức và kỹ năng có liên quan khác (ví dụ: kỹ năng/chiến lược học, ghi nhớ một cách có hiệu quả các cụm từ các cách diễn đạt).

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi Nghe, Nói ở trình độ A2

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Nachdem wir jahrelang Pech gehabt hatten, ... (Glücksmomente) Sprechen: etwas emotional kommentieren Lesen/Schreiben: Blogbeitrag	15	4	11	
2	Bài 2: Ausflug des Jahres (Feiern im Betrieb)	15	2	12	1

	Lesen/Schreiben: Briefe und E-Mails: Einladungen, Absagen, Zusagen				
3	Bài 3: Aus diesem Grund gab es ein Missverständnis. (Sprache) Hören/Sprechen: von Missverständnissen erzählen; nachfragen und Verständnis 12sichern	15	4	11	
4	Bài 4: Die Teilnahme ist auf eigene Gefahr. (Weiterbildung) Sprechen: etwas empfehlen Lesen: Kursprogramm Schreiben: Kursangebot	15	2	12	1
5	Bài 5: Schön, dass Sie da sind. (Bewerbungen) Hören/Sprechen: Vorstellungsgespräch Lesen: Stellenanzeigen, Bewerbungsschreiben Schreiben: Bewerbungsschreiben	15	3	12	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Nachdem wir jahrelang Pech gehabt hatten, ... (Glücksmomente)

Sprechen: etwas emotional kommentieren

Lesen/Schreiben: Blogbeitrag

Bài 2: Ausflug des Jahres (Feiern im Betrieb)

Lesen/Schreiben: Briefe und E-Mails: Einladungen, Absagen, Zusagen

Bài 3: Aus diesem Grund gab es ein Missverständnis. (Sprache)

Hören/Sprechen: von Missverständnissen erzählen; nachfragen und Verständnis 12sichern

Bài 4: Die Teilnahme ist auf eigene Gefahr. (Weiterbildung)

Sprechen: etwas empfehlen

Lesen: Kursprogramm

Schreiben: Kursangebot

Bài 5: Schön, dass Sie da sind. (Bewerbungen)

Hören/Sprechen: Vorstellungsgespräch

Lesen: Stellenanzeigen, Bewerbungsschreiben

Schreiben: Bewerbungsschreiben

2. Nội dung bài học:

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng

2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa

3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Kiến thức ngôn ngữ cần có ở trình độ A2 như thì động từ, câu đơn, một vài cấu trúc câu phức...; Kiến thức từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ.

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến những thông tin cá nhân cơ bản (dân tộc, quê hương, ngôn ngữ thứ nhất, địa chỉ, ngày sinh, tuổi, điện thoại); thời gian, ngày tháng, tiền tệ, trường học, đồ đạc trong phòng học, cơ sở vật chất cộng đồng, nghề nghiệp và việc làm, tình trạng hôn nhân, gia đình riêng, nhà ở, sở thích về ăn uống, thời tiết, quần áo, các mùa trong năm vv...

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến đơn vị đo thời gian cơ bản, trình tự thời gian, từ ngữ chỉ quan hệ thân thuộc, nhu cầu, mong muốn, kể lại những trải nghiệm cá nhân, miêu tả người, đồ vật, tình huống và các thói quen hàng ngày.

+ Kiến thức về giao tiếp bằng lời nói trong các sự kiện và tình huống riêng biệt như trao đổi giữa sinh viên và giáo viên, giữa người bán hàng với khách mua hàng.

+ Kiến thức về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu

- Kỹ năng:

+ Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ sơ cấp

+ Khả năng sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực (au-thentic).

+ Khả năng sử dụng câu đúng ngữ pháp, phù hợp với tình huống giao tiếp

+ Năng lực ứng xử phi ngôn ngữ có hiệu quả và phù hợp.

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi ở trình độ A2

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Sau mỗi 6 đơn vị bài học sẽ có một bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BT BXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Kỹ năng Nghe – Nói 1 được giảng dạy ở kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức sau khi học sinh đã hoàn thành môn học Tiếng Đức cơ bản, là môn học tiền đề cho môn học Kỹ năng Nghe – Nói 2.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Do thời lượng giảng dạy môn học Kỹ năng Nghe – Nói 1 trên lớp khá khiêm tốn, nên để đảm bảo đủ thời lượng cho việc hoàn thiện nhóm kỹ năng này giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Kỹ năng Nghe Nói 1 cần chú trọng đến việc cung cấp thêm các bài tập, hoạt động thực hành, luyện tập cho hoạt động tự học ở nhà và có kiểm tra, đánh giá. Mục đích là nhằm giúp người học có thể ghi nhớ và vận dụng được các kiến thức lý thuyết đã được học trên lớp để làm các bài tập thực hành, qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cũng như kỹ năng làm bài thi trình độ A2. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

+ Giáo viên, giảng viên không giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình; chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Menschen A1 2 Kursbuch Lösungen

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng Nghe - Nói 2

Mã môn học: MĐ13

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun chuyên môn
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Kỹ năng Nghe – Nói 2, người học có thể đạt được năng lực tiếng Đức tương đương Bậc 3 Khung NLNN Việt Nam, hay trình độ B1 khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Cụ thể, người học có được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Nắm được kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm yêu cầu ở trình độ Bậc 3 – Khung NLNN Việt Nam hay tương đương trình độ B1 khung tham chiếu Châu Âu CEFR

+ Có kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp; các kỹ năng liên quan đến giao tiếp tương tác

+ Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể.

- Về kỹ năng

+ Có thể giao tiếp khá thoải mái, tự tin trong hầu hết các tình huống đơn giản hàng ngày

+ Có thể tham gia vào các cuộc hội thoại mang tính thông thường

+ Có thể trình bày kiểu mô tả về những chủ đề cụ thể quen thuộc (5 – 10 phút). + Có thể trình bày sự so sánh và phân tích chi tiết.

+ Có thể sử dụng các cấu trúc câu khác nhau (bao gồm câu ghép, câu phức) và ngôn ngữ mang tính khái niệm và thành ngữ phổ biến.

+ Trình bày khá trôi chảy, lỗi ngữ pháp và phát âm vẫn thường xảy ra nhưng ít gây khó khăn cho quá trình giao tiếp, thỉnh thoảng có thể tự sửa lỗi và làm rõ nghĩa ý định nói.

+ Có thể trao đổi qua điện thoại những vấn đề hàng ngày và quen thuộc tuy còn gặp khó khăn trong việc làm sáng tỏ những chi tiết mới lạ.

+ Có thể nghe hiểu các điểm chính và các chi tiết quan trọng nhất trong diễn ngôn thuộc các tình huống sử dụng ngôn ngữ đòi hỏi người nghe đã đạt cấp độ B1.

+ Có thể nghe (còn có phần hạn chế về hiểu) hầu hết các hội thoại nghi thức hoặc thông thường thuộc các chủ đề quen thuộc, tốc độ nói trung bình, đặc biệt khi học viên chính là người tham gia hội thoại.

+ Có thể hiểu nhiều từ vựng và cách diễn đạt cụ thể và/hoặc mang tính thành ngữ.

+ Có thể hiểu các câu hỏi trực tiếp khá phức tạp liên quan đến kinh nghiệm bản thân, các chủ đề quen thuộc và kiến thức chung; Tuy nhiên đôi lúc vẫn cần nói người nói chậm lại, nhắc lại hoặc thay đổi cách diễn đạt.

+ Có thể hiểu các hội thoại hàng ngày liên quan đến công việc/ngành nghề.

+ Có thể nghe hiểu các lời nhắn ngắn trên điện thoại thuộc các vấn đề/lĩnh vực quen thuộc; Còn gặp khó khăn khi hiểu những chi tiết lời nhắn thuộc các vấn đề lạ lẫm hoặc gặp khó khăn khi nghe các hội thoại có tốc độ nhanh hơn giữa những người bản ngữ.

+ Kỹ năng hợp tác nhóm để hoàn thành công việc (ví dụ: thực hành theo nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định).

+ Một số kiến thức và kỹ năng có liên quan khác (ví dụ: kỹ năng/chiến lược học, ghi nhớ một cách có hiệu quả các cụm từ các cách diễn đạt).

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi Nghe, Nói ở trình độ B1.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Wir brauchten uns um nichts zu kümmern. (Jugend und Erinnerungen) Hören: Jugenderlebnisse Sprechen: Wichtigkeit ausdrücken; auf Erzählungen reagieren	15	4	11	
2	Bài 2: Guck mal! Das ist schön! (Biografien) Sprechen: eine Lebensgeschichte nacherzählen	15	2	12	1

	Lesen/Schreiben: Biografie				
3	Bài 3: Davon halte ich nicht viel. (Politik und Gesellschaft) Hören: Reportage Sprechen: diskutieren Lesen: Umfrage	15	4	11	
4	Bài 4: Je älter ich wurde, desto... (Tourismus) Hören: Präsentationen auf einer Pressekonferenz Sprechen: eine Präsentation halten und Nachfragen stellen	15	2	12	1
5	Bài 5: Die anderen werden es dir danken! (Regeln) Sprechen: Regeln diskutieren Lesen: Sachtext: Hausordnung Schreiben: Gästebucheintrag	15	3	12	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Wir brauchten uns um nichts zu kümmern. (Jugend und Erinnerungen)

Hören: Jugenderlebnisse

Sprechen: Wichtigkeit ausdrücken; auf Erzählungen reagieren

Bài 2: Guck mal! Das ist schön! (Biografien)

Sprechen: eine Lebensgeschichte nacherzählen

Lesen/Schreiben: Biografie

Bài 3: Davon halte ich nicht viel. (Politik und Gesellschaft)

Hören: Reportage

Sprechen: diskutieren

Lesen: Umfrage

Bài 4: Je älter ich wurde, desto... (Tourismus)

Hören: Präsentationen auf einer Pressekonferenz **Sprechen:** eine Präsentation halten und Nachfragen stellen

Bài 5: Die anderen werden es dir danken! (Regeln)

Sprechen: Regeln diskutieren

Lesen: Sachtext: Hausordnung

Schreiben: Gästebucheintrag

2. Nội dung bài học:

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Kiến thức ngôn ngữ cần có ở trình độ B1 như thì động từ, câu đơn, cấu trúc câu phức...; Kiến thức từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ.

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến những thông tin cá nhân cơ bản; cộng đồng, nghề nghiệp và việc làm, sở thích, vv...

+ Kiến thức về giao tiếp bằng lời nói trong các sự kiện và tình huống riêng biệt như trao đổi giữa sinh viên và giáo viên, giữa nhân viên lễ tân và khách du lịch, v.v

+ Kiến thức về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu

- Kỹ năng:

+ Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ sơ cấp

+ Khả năng sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực (au-thentic).

+ Khả năng sử dụng câu đúng ngữ pháp, phù hợp với tình huống giao tiếp

+ Năng lực ứng xử phi ngôn ngữ có hiệu quả và phù hợp.

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi ở trình độ B1

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

- Cách thức đánh giá:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Sau mỗi 3 đơn vị bài học sẽ có một bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn. Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BT BXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Kỹ năng Nghe – Nói 2 được giảng dạy ở kỳ thứ 2 trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Để đạt được mục tiêu của môn học, giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Kỹ năng Nghe Nói 2 cần chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động thực hành, luyện tập

nhằm tăng cơ hội tương tác, sử dụng Tiếng Đức cho học sinh, qua đó giúp các em dần tự tin, chủ động sử dụng tiếng Đức trong các tình huống giao tiếp, cũng như phát triển các năng lực liên quan cần có ở trình độ đào tạo trung cấp: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng trình bày, giải quyết vấn đề, vv. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách Workbook và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

- + Giáo viên, giảng viên nên sử dụng mô hình dạy học kết hợp, chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết.

- Đối với người học:

- + Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

- + Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

- + Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

4. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

Menschen A1 2 Kursbuch Lösungen

Tiếng Đức dành cho người Việt - Nguyễn Văn Tuấn, Trương Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng Đọc – Viết 1

Mã môn học: MĐ14

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun chuyên môn
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Môn học Kỹ năng Đọc – Viết 1 được thiết kế song song với các môn học Kỹ năng Nghe – Nói 1 và Kỹ năng tổng hợp 1 nhằm giúp sinh viên, sau khi kết thúc học phần có thể đạt được năng lực tiếng Đức tương đương bậc 2 theo Khung NLNNVN, hay A2 theo khung tham chiếu châu Âu CEFR. Sinh viên đạt được các tiêu chí chung về năng lực ngoại ngữ ở bậc 2, gồm về vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. Cụ thể, về kỹ năng đọc và viết sinh viên đạt được các kiến thức và năng lực như sau:

- Về kiến thức
 - + Nắm được kiến thức về ngữ pháp, từ vựng yêu cầu ở trình độ Bậc 2 – Khung NLNN Việt Nam hay tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu CEFR
 - + Kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp; các kỹ năng liên quan đến giao tiếp tương tác (ví dụ: đáp lại một lời giới thiệu, hướng dẫn và chỉ dẫn, thu hút sự chú ý, yêu cầu nhắc lại; trao đổi về tuổi tác, thu nhập, hôn nhân, con cái, sở thích về ăn uống, vv).
 - + Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể.
- Về kỹ năng
 - + Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày: thư từ cá nhân, tin nhắn ngắn gọn, đơn giản, quy định, hướng dẫn sử dụng ... khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản
 - + Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.
 - + Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản, nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì; những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại; viết tiểu sử giả tưởng, thư từ cá nhân để cảm ơn hoặc xin lỗi một cách ngắn

gọn; viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.

+ Kỹ năng sử dụng, lựa chọn chiến lược đọc hiểu thích hợp để hoàn thành nhiệm vụ bài học yêu cầu

+ Kỹ năng đọc và thực hiện các hoạt động: thu thập, xử lý thông tin, giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm

+ Kỹ năng tìm thông tin, sử dụng máy tính, Internet.

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi Đọc hiểu, Viết ở trình độ A2.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Vorher muss natürlich fleißig geübt werden. (Konzerte und Veranstaltungen) Hören: Radiointerview Sprechen: etwas anpreisen Schreiben: Werbetext Lesen: Blog	15	4	11	
2	Bài 2: In der BRD wurde die Demokratie eingeführt. (Geschichte) Hören: Audioguide: geschichtliche Ereignisse Sprechen: Wunschvorstellungen ausdrücken Schreiben: Ereignisse zusammenfassen	15	2	12	1
3	Bài 3: Fahrradfahren ist in. (Umwelt und Klima) Sprechen/Schreiben: Zustimmung ausdrücken;	15	4	11	

	rückfragen und Gleichgültigkeit ausdrücken Lesen: Interview				
4	Bài 4: Das löst mehrere Probleme auf einmal. (Zukunfts-visionen) Hören/Sprechen: Überzeugung ausdrücken Lesen: Magazintext	15	2	12	1
5	Bài 5: nach Lektion 23: Projekttag: Präsentation/Dialoge zu Themen der Lektionen	15	3	12	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Vorher muss natürlich fleißig geübt werden. (Konzerte und Veranstaltungen)

Hören: Radiointerview

Sprechen: etwas anpreisen

Schreiben: Werbetext

Lesen: Blog

Bài 2: In der BRD wurde die Demokratie eingeführt. (Geschichte)

Hören: Audioguide: geschichtliche Ereignisse

Sprechen: Wunschvorstellungen ausdrücken

Schreiben: Ereignisse zusammenfassen

Bài 3: Fahrradfahren ist in. (Umwelt und Klima)

Sprechen/Schreiben: Zustimmung ausdrücken;
rückfragen und Gleichgültigkeit ausdrücken

Lesen: Interview

Bài 4: Das löst mehrere Probleme auf einmal. (Zukunfts-visionen)

Hören/Sprechen: Überzeugung ausdrücken

Lesen: Magazintext

Bài 5: nach Lektion 23: Projekttag:

Präsentation/Dialoge zu Themen der Lektionen

2. Nội dung bài học:

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng
2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Kiến thức ngôn ngữ cần có ở trình độ A2 như thì động từ, câu đơn, một vài cấu trúc câu phức...; Kiến thức từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ.

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến những thông tin cá nhân cơ bản (dân tộc, quê hương, ngôn ngữ thứ nhất, địa chỉ, ngày sinh, tuổi, điện thoại); thời gian, ngày tháng, tiền tệ, trường học, đồ đạc trong phòng học, cơ sở vật chất cộng đồng, nghề nghiệp và việc làm, tình trạng hôn nhân, gia đình riêng, nhà ở, sở thích về ăn uống, thời tiết, quần áo, các mùa trong năm vv...

+ Cấu trúc ngữ pháp và từ vựng liên quan đến đơn vị đo thời gian cơ bản, trình tự thời gian, từ ngữ chỉ quan hệ thân thuộc, nhu cầu, mong muốn, kể lại những trải nghiệm cá nhân, miêu tả người, đồ vật, tình huống và các thói quen hàng ngày.

+ Kiến thức về giao tiếp bằng văn bản: thư từ, tin nhắn, lời nhắntrong các sự kiện và tình huống riêng biệt, nghi thức hoặc thông thường

+ Kiến thức về đánh dấu câu.

- Kỹ năng:

+ Khả năng sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể ở cấp độ sơ cấp

+ Khả năng sử dụng phù hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực

+ Khả năng sử dụng câu đúng ngữ pháp, phù hợp với tình huống giao tiếp

+ Kỹ năng và chiến lược làm bài thi Đọc hiểu, Viết ở trình độ A2

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Sau mỗi 6 đơn vị bài học sẽ có một bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BT BXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Kỹ năng Đọc – Viết 1 được giảng dạy ở kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức, là môn học tiền đề cho các môn học Kỹ năng Đọc – Viết

2 và Kỹ năng Đọc - Viết 3.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Do thời lượng giảng dạy môn học Kỹ năng Đọc – Viết 1 trên lớp khá khiêm tốn, nên để đảm bảo đủ thời lượng cho việc hoàn thiện nhóm kỹ năng này giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Kỹ năng Đọc – Viết 1 cần chú trọng đến việc cung cấp, hướng dẫn thêm các bài tập, các kỹ thuật, chiến lược cần có để đọc hiểu văn bản, kỹ năng làm bài thi, luyện tập cho hoạt động tự học ở nhà và có kiểm tra, đánh giá. Mục đích là nhằm giúp người học có thể ghi nhớ và vận dụng được các kiến thức lý thuyết đã được học trên lớp để làm các bài tập thực hành, qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cũng như kỹ năng làm bài thi trình độ A2. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

+ Giáo viên, giảng viên không giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình; chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

TEST 1 - Wörter und Strukturen

Menschen A1 2 Kursbuch Lösungen

Giáo trình Schritte Plus

Giáo trình Grammatik A1

File tổng hợp từ vựng A1 của Goethe

Từ vựng A1 Đức – Việt theo sách Schritte plus

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng Đọc – Viết 2

Mã môn học: MĐ15

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học/ môđun cơ sở
- Tính chất: Bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi kết thúc môn học Kỹ năng Đọc Viết 2, người học có thể đạt được năng lực tiếng Đức tương đương Bậc 3.1 Khung NLNN Việt Nam, hay trình độ B1.1 khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Cụ thể, người học có được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

- + Nắm được kiến thức về ngữ pháp, từ vựng... yêu cầu ở trình độ Bậc 3.1 – Khung NLNN Việt Nam hay tương đương trình độ B1.1 khung tham chiếu Châu Âu CEFR

- + Có kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp;

- + Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể; Hiểu cách sử dụng thành ngữ và tham khảo các yếu tố văn hóa.

- + Kiến thức về bố cục bài khóa (ví dụ thư cá nhân, lời nhắn, bài viết, các dạng mẫu khai, séc, biên lai, hóa đơn), kiến thức cơ bản về cấu trúc đoạn văn (ví dụ câu chủ đạo, câu liên quan/phụ), v.v

- Về kỹ năng

- + Kỹ năng đọc hiểu các ý chính, cụm từ chính và các chi tiết quan trọng trong một bài đọc đơn giản có độ dài ba đến năm đoạn trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.

- + Kỹ năng tìm kiếm hoặc so sánh/đối chiếu một số thông tin cụ thể nằm rải rác trong các phần của bài đọc (thời khóa biểu, lịch trình và hành trình du lịch, danh bạ điện thoại, sách hướng dẫn nấu ăn...)

- + Kỹ năng thu thập thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các bài đọc có bố cục rõ ràng, gần gũi với kiến thức nền và trải nghiệm bản thân.

- + Kỹ năng đọc suy luận ở mức độ trung bình để phát hiện ra quan điểm của tác giả và mục đích, chức năng của bài đọc.

- + Kỹ năng thu thập thông tin để giải quyết vấn đề và ra các quyết định; kỹ năng làm việc độc lập hay hợp tác nhóm.

+ Biết viết các thể loại viết thư thân mật, trang trọng, thư đặt phòng, tường thuật, trình bày ý kiến và miêu tả nơi chốn; Các kỹ năng viết/ghi lại thông tin (ví dụ lập danh sách, bao gồm danh sách từ vựng, điền mẫu khai đơn giản, chép chính tả).

+ Biết viết văn bản ngắn để truyền tải một lời nhắn, thông báo một sự việc hay kể một câu chuyện đơn giản (ví dụ chuyện có tính chất riêng tư,...), kể về kế hoạch cho tương lai, mô tả người, vật, tình huống hoặc sự việc diễn ra hàng ngày.

+ Kỹ năng tìm thông tin, sử dụng máy tính, Internet.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện cho người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân để duy trì và phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, phân đầu hoàn thành các mục tiêu học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Freunde Einstiegsseite: Kennenlernspiel Sprechen 1: Über Freundschaften sprechen Lesen: Zeitungsartikel: Die Freunde der Freunde Hören: Interaktives Radio: Freundschaften Wortschatz: Lebensalter, Freundschaft, Liebe Sprechen 2: Präsentation: Ungewöhnliche Freundschaften Schreiben: Grußkarten Sehen und Hören: Animationsfilm: Annie & Boo	15	4	11	
2	Bài 2: In der Firma Einstiegsseite: Arbeitstage und Tagesablauf Sprechen 1: Meine Berufstätigkeit Wortschatz: Positionen und Tätigkeiten im Büro Hören: Reportage: Entspannen am Arbeitsplatz	15	2	12	1

	Lesen 1: Zeitungsartikel: Web-Guerillas Scheiben: Diskussionsbeitrag: Internetforum Lesen 2: Kommentar: Kündigungsgründe Sehen und Hören: Geschäftlich telefonieren Sprechen 2: Telefonieren am Arbeitsplatz				
3	Bài 3: Medien Einstiegsseite: Mediennutzung und Lesegewohnheiten Sehen und Hören 1: Foto-Reportage: Buch & Bohne Schreiben: Persönliche E-Mail Lesen 1: Zeitungsartikel: Leseverhalten Wortschatz: Medienbranche Hören: Filmkritiken im Radio; Telefonische Ansage: Kinokarten bestellen Lesen 2: Reportage: Tatort Kneipe Sprechen: Projekt: Nachrichten präsentieren Sehen und Hören 2: Filmtrailer: Kokowääh	15	4	11	
4	Bài 4: nach der Schule Einstiegsseite: „Bufdi“-Quiz Lesen: Angebote für Schulabgänger Hören: Radiobeitrag: Work & Travel Schreiben: Blogbeitrag: Auslandsaufenthalt Sprechen: Rollenspiel: Berufsmesse Wortschatz: Bewertungen mit Adverbien Sehen und Hören: Filmporträt einer Theaterakademie	15	2	12	1
5	Bài 5: Körper-bewusstsein Einstiegsseite: Styling und Bildbearbeitung Lesen 1: Blogbeiträge: Normale Frauen als Models	15	3	12	

	Hören: Interview: Ein männliches Fotomodel Sprechen: Rollenspiel: Beratungsgespräch Wortschatz: Redewendungen zum Thema Körper Lesen 2: Fitness-Test Schreiben: Suchanzeige: Sportpartner Sehen und Hören: Reportage: Zumba				
--	--	--	--	--	--

2. Nội dung chi tiết:

Mục tiêu: Phát triển kỹ năng đọc hiểu ý chính, đọc hiểu nắm thông tin cụ thể. Luyện tập tự sửa lỗi văn bản viết.

Nội dung bài học:

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng
2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Học liệu: Tài liệu dùng cho môn học:
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Kiến thức ngôn ngữ cần có ở trình độ B1.1 như thì động từ, câu đơn, cấu trúc câu phức...; Kiến thức từ vựng và cách sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh ngôn ngữ.

Có kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp;

+ Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể; Hiểu cách sử dụng thành ngữ và tham khảo các yếu tố văn hóa.

+ Kiến thức về bố cục văn bản (ví dụ thư cá nhân, lời nhắn, bài viết, các dạng mẫu khai, séc, biên lai, hóa đơn), kiến thức cơ bản về cấu trúc đoạn văn (ví dụ câu chủ đạo, câu liên quan/phụ), v.v

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng đọc hiểu các ý chính, cụm từ chính và các chi tiết quan trọng trong một bài đọc đơn giản có độ dài ba đến năm đoạn trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.

+ Kỹ năng tìm kiếm hoặc so sánh/đối chiếu một số thông tin cụ thể nằm rải rác trong các phần của bài đọc (thời khóa biểu, lịch trình và hành trình du lịch, danh bạ điện thoại, sách hướng dẫn nấu ăn...)

+ Kỹ năng đọc suy luận ở mức độ trung bình để phát hiện ra quan điểm của tác giả và mục đích, chức năng của bài đọc.

+ Kỹ năng thu thập thông tin để giải quyết vấn đề và ra các quyết định; kỹ năng làm việc độc lập hay hợp tác nhóm.

+ Biết viết các thể loại viết thư thân mật, trang trọng, thư đặt phòng, tường thuật, trình bày ý kiến và miêu tả nơi chốn; Các kỹ năng viết/ghi lại thông tin (ví dụ lập danh sách, bao gồm danh sách từ vựng, điền mẫu khai đơn giản, chép chính tả).

+ Biết viết văn bản ngắn để truyền tải một lời nhắn, thông báo một sự việc hay kể một câu chuyện đơn giản (ví dụ chuyện có tính chất riêng tư,...), kể về kế hoạch cho tương lai, mô tả người, vật, tình huống hoặc sự việc diễn ra hàng ngày.

+ Kỹ năng làm bài thi theo định dạng bài thi, B1 của Bộ GD & ĐT

+ Kỹ năng tìm thông tin, sử dụng máy tính, Internet.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tự học, tự rèn luyện, ý thức đối với việc luyện tập thường xuyên nhằm cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

2. Phương pháp:

- Cách thức đánh giá:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Sau mỗi 3 đơn vị bài học sẽ có một bài kiểm tra định kỳ đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý thuyết được học để hoàn thành các bài tập thực hành. Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BTBXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn Kỹ năng Đọc – Viết 2 được giảng dạy ở kỳ thứ 2 trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức, là môn học tiền đề cho môn học Kỹ năng Đọc - Viết 3.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Do thời lượng giảng dạy môn học Kỹ năng Đọc – Viết 2 trên lớp khá khiêm tốn, nên để đảm bảo đủ thời lượng cho việc hoàn thiện nhóm kỹ năng này giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Kỹ năng Đọc – Viết 2 cần chú trọng đến việc cung cấp thêm

các bài tập, hoạt động thực hành, luyện tập cho hoạt động tự học ở nhà và có kiểm tra, đánh giá. Mục đích là nhằm giúp người học có thể ghi nhớ và vận dụng được các kiến thức lý thuyết đã được học trên lớp để làm các bài tập thực hành, qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cũng như kỹ năng làm bài thi trình độ B1. Để đạt được mục tiêu này giáo viên cần yêu cầu người học tăng thời gian tự học thông qua việc làm bài tập trong sách và tài liệu luyện tập giáo viên cung cấp. Kết quả được đánh giá vào ý thức tự học.

- + Giáo viên, giảng viên không giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình; chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết, kết hợp với các phương tiện dạy học hỗ trợ.

- Đối với người học:

- + Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

- + Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

- + Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

1. Tài liệu tham khảo

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội
Audio Menschen A1 1

Hueber Menschen

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Đức Thương mại 1

Mã môn học: MĐ17

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học /Mô đun tự chọn
- Tính chất: Tự chọn

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần Tiếng Đức Thương mại 1, sinh viên bước đầu làm quen được một số thuật ngữ và khái niệm thương mại cơ bản bằng tiếng Đức, từ đó có được sự hiểu biết nhất định về doanh nghiệp, về các hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành thương mại. Qua đó sinh viên cũng có thể thực hiện các nhiệm vụ công việc đơn giản phổ biến trong các doanh nghiệp như: trao đổi, trình bày ý kiến, kế hoạch, giới thiệu về sản phẩm...; đọc hiểu được các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh có độ dài ngắn, đơn giản, cũng như có thể hoàn thành được các thư tín giao dịch thương mại cơ bản với người trong và ngoài công ty. Cụ thể:

- *Từ vựng:* Sinh viên có vốn từ vựng chuyên ngành thương mại đạt trình độ tiền trung cấp

- *Ngữ pháp:* Sinh viên nắm được vốn kiến thức ngữ pháp đạt trình độ tiền trung cấp.

- Về kỹ năng: Bên cạnh việc phát triển đồng đều 4 kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng đọc – viết được chú trọng nhằm giúp sinh viên có thể giao tiếp đơn giản khá hiểu quả trong môi trường công tác. Cụ thể, sinh viên có thể hiểu được các thông báo, tin nhắn, quảng cáo, tờ rơi ngắn, thư tín thương mại, các bài báo... liên quan đến lĩnh vực thương mại có độ dài từ 100 – 400 từ bằng cách sử dụng các chiến lược đọc khác nhau. Sinh viên cũng có thể viết các bản lưu ý, ghi nhớ, lời nhắn, email có độ dài từ 30 – 40 từ cho các đồng nghiệp trong công ty hay thực hiện các trao đổi thư tín thương mại với người ngoài công ty với độ dài khoảng 60 – 80 từ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, tích cực xây dựng bài giảng, chủ động thực hành, rèn luyện để trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề tương lai.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)
--	-----------------	-----------------

Số TT		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Städte erleben Einstiegsseite: Eine Stadt kennen lernen Lesen 1: Reportage: Stadtführer-App Schreiben: Städtequiz Lesen 2: Stadtporträt: Berliner Stadtteile Wortschatz: Infrastruktur, Interessantes über die Städte Sprechen: Diskussion: Freizeitangebote in der Stadt Sehen und Hören 2: Interview: Eisbach-Surfer	15	4	11	
2	Bài 2: Beziehung Einstiegsseite: Familiäre Beziehungen Wortschatz: Beziehungs- und Lebensformen Lesen 1: Roman-Auszug: „Das Blütenstaub- zimmer“ Schreiben: Leserbrief Hören: Paargespräche Lesen 2: Zeitungsartikel: Fernbeziehungen Sprechen: Bikulturelle Beziehungen Sehen und Hören: Poetry Slam: Du baust einen Tisch	15	2	12	1
3	Bài 3: Ernährung Einstiegsseite: Ernährung Lesen 1: Zeitungsartikel: vom Veganer bis zum Flexitarier Hören: Nachricht auf dem Anrufbeantworter: Kochkurse Sprechen 1: Über regionale Gerichte berichten Wortschatz: Werbeslogans für Lebensmittel Schreiben: Beschwerdebrief Lesen 2: Zeitungsartikel: Umgang mit Lebensmitteln Sprechen 2: Präsentation: Ein Projekt vorstellen Sehen und Hören: Fernsehreportage: Containern	15	4	11	

4	Bài 4: An der Uni Einstiegsseite: Studienwünsche Wortschatz: Studieren Lesen: Infobroschüre: Die Ruhr-Universität Bochum Sprechen 1: Diskussion: eine Uni auswählen Schreiben: Motivationsschreiben Hören: Experten-Vortrag: Wofür Studierende Geld brauchen Sprechen 2: Erfahrungen austauschen Sehe und Hören: Studentenfilm: Traumstudium?	15	2	12	1
5	Bài 5: Service Einstiegsseite: Service im Alltag; Deutschlern-Service Wortschatz: Dienstleistungen Sprechen: Einen Service anbieten Hören 1: Gesprächsrunde: Schnäppchenjagd Lesen 1: Zeitungsartikel: Auf dem Blumenfeld Schreiben: Textzusammenfassung Lesen 2: Infoblatt: „Erklärbar- Abo“ Hören 2: osse: Prien Sehen und Hören: Foto-Reportage: Vorlesestunde	15	2	12	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Städte erleben

Einstiegsseite: Eine Stadt kennen lernen

Lesen 1: Reportage: Stadtführer-App

Schreiben: Städtequiz

Lesen 2: Stadtporträt: Berliner Stadtteile

Wortschatz: Infrastruktur,

Interessantes über die Städte

Sprechen: Diskussion: Freizeitangebote in der Stadt

Sehen und Hören 2: Interview: Eisbach- Surfer

Bài 2: Beziehung

Einstiegsseite: Familiäre Beziehungen

Wortschatz: Beziehungs- und Lebensformen

Lesen 1: Roman-Auszug: „Das Blütenstaub- zimmer“

Schreiben: Leserbrief

Hören: Paargespräche

Lesen 2: Zeitungsartikel: Fernbeziehungen

Sprechen: Bikulturelle Beziehungen

Sehen und Hören: Poetry Slam: Du baust einen Tisch

Bài 3: Ernährung

Einstiegsseite: Ernährung

Lesen 1: Zeitungsartikel: vom Veganer bis zum Flexitarier

Hören: Nachricht auf dem Anrufbeantworter: Kochkurse

Sprechen 1: Über regionale Gerichte berichten

Wortschatz: Werbeslogans für Lebensmittel

Schreiben: Beschwerdebrief

Lesen 2: Zeitungsartikel: Umgang mit Lebensmitteln

Sprechen 2: Präsentation: Ein Projekt vorstellen

Sehen und Hören: Fernsehreportage: Containern

Bài 4: An der Uni

Einstiegsseite: Studienwünsche

Wortschatz: Studieren

Lesen: Infobroschüre: Die Ruhr-Universität Bochum

Sprechen 1: Diskussion: eine Uni auswählen

Schreiben: Motivationsschreiben

Hören: Experten-Vortrag: Wofür Studierende Geld brauchen

Sprechen 2: Erfahrungen austauschen

Sehen und Hören: Studentenfilm:

Bài 5: Service

Einstiegsseite: Service im Alltag; Deutschlern-Service

Wortschatz: Dienstleistungen

Sprechen: Einen Service anbieten

Hören 1: Gesprächsrunde: Schnäppchenjagd

Lesen 1: Zeitungsartikel: Auf dem Blumenfeld

Schreiben: Textzusammenfassung

Lesen 2: Infoblatt: „Erklärbar- Abo“

Hören 2: osse: Prien

Sehen und Hören: Foto-Reportage: Vorlesestunde

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng
2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Tài liệu dùng cho môn học:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Hiểu biết nhất định về doanh nghiệp, về các hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành thương mại

+ Hiểu biết các nhiệm vụ, công việc đơn giản phổ biến trong các doanh nghiệp như: trao đổi, trình bày ý kiến, kế hoạch, giới thiệu về sản phẩm

+ Nắm được các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh có độ dài ngắn, đơn giản

+ Hiểu biết về các loại thư tín giao dịch thương mại cơ bản với người trong và ngoài công ty

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe- nói –thuyết trình về các giao dịch thương mại

+ Kỹ năng đọc hiểu được các thông báo, tin nhắn, quảng cáo, tờ rơi ngắn, thư tín thương mại, các bài báo... liên quan đến lĩnh vực thương mại có độ dài từ 100 – 400 từ bằng cách sử dụng các chiến lược đọc khác nhau

+ Kỹ năng viết các bản lưu ý, ghi nhớ, lời nhắn, email có độ dài từ 30 – 40 từ cho các đồng nghiệp trong công ty hay thực hiện các trao đổi thư tín thương mại với người ngoài công ty với độ dài khoảng 60 – 80 từ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, tích cực xây dựng bài giảng, chủ động thực hành, rèn luyện để trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề tương lai.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Cuối mỗi 3 chương có một bài kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của người học . Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BTBXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn Tiếng Đức thương mại 1 được giảng dạy ở như một môn học tự chọn, là môn học tiên quyết để học sinh học môn tự chọn 2 – Tiếng Đức thương mại 2 của chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Tiếng Đức thương mại 1 cần chú trọng đến việc thiết kế các hoạt động nhằm tạo nhiều cơ hội cho người học tiếp cận với các văn bản thương mại chuẩn , các tình huống giao tiếp thương mại đa dạng theo chủ đề để người học có thể áp dụng tốt vào thực tế.

Giáo viên, giảng viên nên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực với cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm; chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết để học sinh có được hình dung khá cụ thể về công việc chuyên môn đặc thù.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học

+ Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các hoạt động theo cặp và theo nhóm cũng như thuyết trình trước lớp cần được sử dụng đan xen , liên tục để tạo sự linh hoạt chủ động cho người học

4. Tài liệu tham khảo:

Audio Menschen A1 2

Giáo trình Biên dịch – phiên dịch Tiếng Đức: Lê Hoài Ân, NXB. ĐHQG Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Đức thương mại 2

Mã môn học: MĐ18

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học / Mô đun chuyên môn
- Tính chất: Tự chọn

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần Tiếng Đức Thương mại 2, sinh viên nâng cao được vốn kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành, có hiểu biết thêm về các khái niệm, kiến thức thương mại cơ bản, từ đó nâng cao sự hiểu biết về doanh nghiệp, về các hoạt động kinh doanh. Sinh viên có thể thực hiện các nhiệm vụ công việc đơn giản phổ biến trong các doanh nghiệp như: trao đổi, trình bày ý kiến, kế hoạch, giới thiệu về sản phẩm...; đọc hiểu được các văn bản ngắn, đơn giản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, cũng như có thể hoàn thành được các thư tín giao dịch thương mại với người trong và ngoài công ty. Cụ thể:

- *Từ vựng*: Sinh viên có vốn từ vựng chuyên ngành thương mại đạt trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu, hay bậc 3 theo Khung NLNNVN.

- *Ngữ pháp*: Sinh viên nắm được vốn kiến thức ngữ pháp đạt trình độ trung cấp, B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu, hay bậc 3 theo Khung NLNNVN.

- Về kỹ năng: Bên cạnh việc phát triển đồng đều 4 kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng đọc – viết được chú trọng nhằm giúp sinh viên có thể giao tiếp đơn giản khá hiệu quả trong môi trường công tác. Cụ thể, sinh viên có thể hiểu được các thông báo, tin nhắn, quảng cáo, tờ rơi ngắn, thư tín thương mại, các văn bản được lấy từ các tạp chí, báo chuyên ngành... liên quan đến lĩnh vực thương mại có độ dài từ 150 – 550 từ bằng cách sử dụng các chiến lược đọc khác nhau. Sinh viên cũng có thể viết các bản lưu ý, ghi nhớ, lời nhắn, email có độ dài từ 40 – 50 từ cho các đồng nghiệp trong công ty hay thực hiện các trao đổi thư tín thương mại với người ngoài công ty với độ dài khoảng 120 – 140 từ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, tích cực xây dựng bài giảng, chủ động thực hành, rèn luyện để trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề tương lai.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra

				thảo luận, bài tập	
1	Bài 1: Gesundheit Einstiegsseite: Arztserien im Fernsehen Lesen 1: Zeitungsartikel: Arzt – Traumberuf oder Knochenjob? Hören: Interview: Als Arzt im Ausland Wortschatz: Reiseapotheke Sprechen 1: Rollenspiel: Gespräche beim Arzt Schreiben: Beitrag zu einem Internetforum Sprechen 2: Alternative Heilmethoden Lesen 2: Fachartikel: Alternative Heilmethoden Sehen und Hören: Informationsfilm: Pflege tut gut	25	5	19	1
2	Bài 2: Sprache und Regionen Einstiegsseite: Ein Porträt Hören 1: Radioreportage: „Das blaue Wunder“ Sprechen: Ein Reiseangebot präsentieren Wortschatz: Fremdwörter Lesen: Fachartikel: Regionale Varianten des Deutschen Schreiben: Stellungnahme Hören 2: Deutsch als Amtssprache Sehen und Hören: Der Bandwettbewerb „Plattsounds“	25	5	19	1
3	Bài 3: Art und Inhalt des Projektes orientiert sich an den behandelten Themen	25	5	19	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Hệ thống kiến thức môn học Tiếng Đức thương mại 1 và giới thiệu môn học Tiếng Đức thương mại 2

2.Nội dung chương:

Bài 1: Gesundheit

Einstiegsseite: Arztserien im Fernsehen

Lesen 1: Zeitungsartikel: Arzt

– Traumberuf oder Knochenjob?

Hören: Interview: Als Arzt im Ausland

Wortschatz: Reiseapotheke

Sprechen 1: Rollenspiel: Gespräche beim Arzt

Schreiben: Beitrag zu einem Internetforum

Sprechen 2: Alternative Heilmethoden

Lesen 2: Fachartikel: Alternative Heilmethoden

Sehen und Hören: Informationsfilm: Pflege tut gut

Bài 2: Sprache und Regionen

Einstiegsseite: Ein Porträt

Hören 1: Radioreportage: „Das blaue Wunder“

Sprechen: Ein Reiseangebot präsentieren

Wortschatz: Fremdwörter

Lesen: Fachartikel: Regionale Varianten des Deutschen

Schreiben: Stellungnahme

Hören 2: Deutsch als Amtssprache

Sehen und Hören: Der Bandwettbewerb
„Plattsounds“

Bài 3: Art und Inhalt des Projektes orientiert sich an den behandelten Themen

IV.Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học đầy đủ ánh sáng, thoáng
2. Trang thiết bị máy móc: màn hình TV, Máy tính, loa
3. Học liệu:

Học liệu bắt buộc

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Có vốn từ vựng và ngữ pháp ở mức độ trung cấp để :
 - + Hiểu biết sâu hơn về doanh nghiệp như các nhãn hàng –thương hiệu , tài chính tiền tệ, quảng cáo công ty, sản phẩm, về các hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành thương mại
 - + Hiểu biết sâu hơn về các nhiệm vụ, công việc trong các doanh nghiệp như: trao đổi, trình bày ý kiến, kế hoạch, quảng cáo về sản phẩm
 - + Nắm được các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh có độ dài trung bình mức độ trung cấp- B1
 - + Hiểu biết về các loại thư tín giao dịch thương mại với người trong và ngoài công ty
- Kỹ năng:
 - +Kỹ năng nghe- nói –thuyết trình về các giao dịch thương mại như kí kết hợp đồng, đạt thỏa thuận , quảng cáo nhãn hàng...
 - +Kỹ năng đọc hiểu được các thông báo, tin nhắn, quảng cáo, tờ rơi n, thư tín thương mại, các bài báo... liên quan đến lĩnh vực thương mại có độ dài từ 150 – 550 từ bằng cách sử dụng các chiến lược đọc khác nhau

+ Kỹ năng viết các bản lưu ý, ghi nhớ, lời nhắn, email có độ dài từ 40 – 50 từ cho các đng nghiệp trong công ty hay thực hiện các trao đổi thư tín thương mại với người ngoài công ty với độ dài khoảng 120 – 140 từ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, tích cực xây dựng bài giảng, chủ động thực hành, rèn luyện để trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề tương lai.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong quá trình học tập, người học được đánh giá trên các phương diện: chuyên cần, ý thức tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. Cuối mỗi 3 chương có một bài kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của người học . Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ hoàn thành bài thi hết môn.

Hình thức thi, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BTBXH, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Thương binh- Xã hội.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn Tiếng Đức thương mại 2 được giảng dạy ở kỳ thứ ba trong chương trình đào tạo trung cấp Tiếng Đức.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Tiếng Đức thương mại cần chú trọng đến việc thiết kế các hoạt động nhằm tạo nhiều cơ hội cho người học tiếp cận với các văn bản thương mại chuẩn , các tình huống giao tiếp thương mại đa dạng theo chủ đề để người học có thể áp dụng tốt vào thực tế.

Giáo viên, giảng viên nên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực với cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm; chú trọng lồng ghép luyện tập và hướng dẫn về lý thuyết.

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các giờ học, không vắng học quá 20% tổng giờ học quy định cho môn học

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ tài liệu yêu cầu của môn học. Tham gia tích cực và chủ động trong quá trình học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các hoạt động theo cặp và theo nhóm cũng như thuyết trình trước lớp cần được sử dụng đan xen , liên tục để tạo sự linh hoạt chủ động cho người học

4. Tài liệu tham khảo:

Sicher b2.1 arbeitsbuch lösungen